

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.340	4.180
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6	97.117	1.998
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	3.524.180	4.165.816
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		2.349.905	2.874.912
2.	Cho vay các TCTD khác		1.174.275	1.290.904
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	41.201	264.509
1.	Chứng khoán kinh doanh		58.926	333.403
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(17.725)	(68.894)
V.	Cho vay khách hàng		8.774.642	8.324.209
1.	Cho vay khách hàng	9	8.962.835	8.467.482
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(188.193)	(143.273)
VI.	Chứng khoán đầu tư	11	5.323.761	4.771.050
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		5.219.199	4.515.046
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		274.009	420.548
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(169.447)	(164.544)
VII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	100.960	128.411
1.	Đầu tư dài hạn khác		101.152	175.197
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(192)	(46.786)
VIII.	Tài sản cố định		48.014	43.877
1.	Tài sản cố định hữu hình	13	23.358	17.052
a.	Nguyên giá TSCĐ		59.652	47.211
b.	Hao mòn TSCĐ		(36.294)	(30.159)
2.	Tài sản cố định vô hình	14	24.656	26.825
a.	Nguyên giá TSCĐ		38.516	38.516
b.	Hao mòn TSCĐ		(13.860)	(11.691)
IX.	Tài sản Có khác	15	1.429.780	1.984.457
1.	Các khoản phải thu		1.141.871	1.084.666
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		631.965	1.250.754
3.	Tài sản Có khác		12.024	7.549
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(356.080)	(358.512)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			19.341.995	19.688.507

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN
Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	5.725.900	6.808.419
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		1.558.900	1.480.000
2.	Vay các TCTD khác		4.167.000	5.328.419
II.	Tiền gửi của khách hàng	17	3.112.207	2.658.951
III.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	8.811	-
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	7.107.775	6.683.821
V.	Các khoản nợ khác	20	350.172	547.341
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		162.709	428.432
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		187.463	118.909
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			16.304.865	16.698.532
VI.	Vốn chủ sở hữu	21	3.037.130	2.989.975
1.	Vốn của TCTD		2.502.328	2.502.328
a.	Vốn điều lệ		2.500.000	2.500.000
b.	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
2.	Quỹ của TCTD		278.968	254.141
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		255.834	233.506
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			19.341.995	19.688.507

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh khác	37	165.130	238.969

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Hoàng Thị Việt Chi
Người lập biểuMai Danh Hiền
Kế toán trưởngBùi Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này